TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
TỈNH P

Bản án số: 02 /2023/HNGĐ-ST
Ngày 12 tháng 01 năm 2023
V/v:*"Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH P

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Chí.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Nghị và ông Bùi Hồng Đào.
Thư ký phiên tòa: Ông Đào Văn Chí -Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh P tham gia phiên toà: Ông Đinh Xuân Tiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2022/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn, nuôi con chung". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:39/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số:22/2022/QĐSXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 12 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Anh **Hà Văn T**, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Xóm Sận, xã T, huyện T, tỉnh P, có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi cho Bị đơn: Ông Bùi Đức Dũng - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh P, cử có mặt.

Bị đơn: Chị **Hà Thị L**, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Xóm Lèn, xã T, huyện T, tỉnh P, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/11/2022 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn anh Hà Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ngày 20/9/2018, anh Hà Văn Chiến và chị Hà Thị **L** đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh P. Hai bên chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm nên chị **L** đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tại xóm Lèn, xã T, huyện T, tỉnh P để sinh sống. Từ đó hai bên chính thức ly thân chấm dứt quan hệ tình cảm. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện T, cho anh xin được ly hôn chị Hà Thị **L.**

Về con chung: Trước khi kết hôn vợ chồng có một con chung cháu Hà Thị Kim **Ng**, sinh ngày 15/01/2017, hiện đang ở cùng anh **T**, khi ly hôn anh xin được nuôi con chung không yêu cầu chị **L** cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Anh **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía Bị đơn chị Hà Thị L: Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng chị **L** đều vắng mặt. Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, tại biên bản lấy lời khai ngày 22 tháng 11 năm 2022 đối với ông Hà Đức Luân là bố đẻ chị **L** cho biết:

Anh **T**; chị **L** có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh P. Sau khi kết hôn anh anh **T**; chị **L** về sống chung cùng gia đình nhà anh **T**, tình cảm vợ chồng hạnh phúc đến 2019 thì phát sinh mâu thuẫn hai bên đã ly thân.

Về con chung: Vợ chồng anh **T**; chị **L** có 01 con chung, hiện đang ở cùng anh **T**. Nay các cháu xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh P phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Việc nhận đơn, thụ lý, xác minh, thu thập chứng cứ được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, Bị đơn vắng mặt không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình nên không tiến hành hòa giải được, nhưng đã được Thẩm phán thực hiện việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho Bị đơn theo khoản 5 Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P xét xử vắng mặt Bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Anh **T**; chị **L** kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Trong cuộc sống chung vợ chồng hai bên không hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh **T**; chị **L** là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Hà Văn **T** đối với chị Hà Thị **L** là phù hợp.

Về con chung: Anh **T**; chị **L** có một con chung Hà Thị Kim **Ng**, sinh ngày 15/01/2017. Từ khi anh **T**; chị **L** ly thân cháu đang ở cùng anh **T** nên giao cháu **Ng** cho anh **T** nuôi dưỡng là phù hợp.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp: Anh **T** không yêu cầu và chị **L** vắng mặt nên không xem xét trong vụ án này.

Về án phí: Anh **T** là người Dân tộc sinh sống tại xã khó khăn trên địa bàn huyện T nên không phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng: Anh Hà Văn **T** có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P cho anh xin ly hôn với chị Hà Thị **L**, căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh P.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện T đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị **L**, tuy nhiên chị **L** cố ý vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự và tại phiên tòa hôm nay chị Hà Thị **L** vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện T xét xử vắng mặt chị **L** là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh **T**; chị **L** trước khi kết hôn có thời gian tự nguyện tìm hiểu. Ngày 20/8/2018, hai bên đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh P. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Trong quá trình xác minh, thu thập chứng cứ, Tòa án đã làm rõ hiện vợ chồng anh, chị đã ly thân, không quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh **T**; chị **L** đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận việc yêu cầu xin ly hôn của anh **T** với chị **L** là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh **T**; chị **L** có một con chung Hà Thị Kim **Ng**, sinh ngày 15/01/2017. Từ khi anh **T**; chị **L** ly thân cháu **Ng** ở cùng anh **T** nên khi ly hôn giao cháu **Ng** cho anh **T** nuôi dưỡng là phù hợp.

[4]. Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Anh **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, chị **L** vắng mặt nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vụ án trong phạm vi khởi kiện. Do đó, khi anh **T**; chị **L** có yêu cầu thì hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định.

[5]. Về án phí: Anh **T** là người Dân tộc sinh sống tại xã khó khăn trên địa bàn huyện nên không phải chịu án phí theo quy định.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; 57 khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hà Văn **T** được ly hôn chị Hà Thị **L**.

Về con chung: Giao cho anh Hà Văn **T** nuôi dưỡng cháu hà Thị Kim **Ng**, sinh ngày 15/01/2017 kể từ tháng 01 năm 2023 đến khi thành niên, lao động tự túc được. Chị **L** không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung; công nợ và công sức: Anh **T** không yêu cầu và chị **L** vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh **T** là người Dân tộc sinh sống ở xã điều kiện kinh tế khó khăn nên không phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại điểm đ khoản 1 của Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về quyền kháng cáo: Anh **T** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Chị **L** có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Văn Chí